Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY TNHH MTV NXB TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG BẢN ĐỒ VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NXB - SAU KIỂM TOÁN

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 31/12/2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		181.203.226.635	185.781.977.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.944.303	6.989.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		181.194.282.332	185.774.988.335
4. Giá vốn hàng bán	11		149.233.688.365	154.401.843.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		31.960.593.967	31.373.144.483
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		577.277.057	883.620.017
7. Chi phí tài chính	22		3.159.837.447	3.378.210.596
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.885.343.943	3.084.860.187
8. Chi phí bán hàng	25		3.890.763.789	2.805.326.590
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		24.252.729.256	25.086.968.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.234.540.532	986.259.145
11. Thu nhập khác	31		140.043.629	342.146.228
12. Chi phí khác	32		173.457.323	27.095.982
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(33.413.694)	315.050.246
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.201.126.838	1.301.309.391
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		229.815.576	282.709.788
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		971.311.262	1.018.599.603
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Trần Thị Minh Huế	Trần Thị Đức Hậu	Kiều Quang Minh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM